TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 349/2023/HSPT
Ngày: 28/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: ông Đặng Kim Nhân
ông Nguyễn Tấn Long

- *Thư ký phiên tòa:* bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 275/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2600/2023/QĐXXPT-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đình T, sinh ngày 20/6/1973 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: nam; trình độ văn hoá: 01/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Đình H và con bà Nguyễn Thị K; có vợ tên là Trần Thị N và có 04 người, con lớn nhất sinh năm 1995 và con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2022 đến ngày 26/9/2022 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Xuân L, sinh ngày 06/10/1967 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: nam; trình độ văn hoá: 05/10; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn V và con bà Hoàng Thị Ả; có vợ

tên là Nguyễn Thị L1 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1993 và con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2022 đến ngày 20/10/2022 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 55 phút ngày 05/7/2022, Đ Biên phòng Roòn phối hợp với các lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang Nguyễn Đình T và Nguyễn Xuân L đang có hành vi vận chuyển 119,3 kilogam thuốc nổ (loại thuốc bom) trên xe ô tô mang biển kiểm soát 38C-01107 do Nguyễn Xuân L điều khiển.

Tiến hành khám xét nơi ở của T và L. Kết quả phát hiện và thu giữ tại nhà của Nguyễn Xuân L 2,3785 kilôgam thuốc nổ.

Tại Bản kết luận giám định số 753 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: các mẫu vật gửi giám định ký hiệu từ A1 đến A6 đều là vật liệu nổ, loại thuốc nổ có thành phần chính là TNT (Trinitrotoluen) còn sử dụng được, có tổng khối lượng 118,377kg.

Tại Bản kết luận giám định số 755 ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: các mẫu vật gửi giám định ký hiệu từ A1 đến A2 đều là vật liệu nổ, loại thuốc nổ có thành phần chính là TNT (Trinitrotoluen) còn sử dụng được, có tổng khối lượng 2,293kg.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2022, tại khu vực ngã ba K thuộc địa phận xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình, Nguyễn Đình T gặp một người đàn ông (không rõ lý lịch) lái xe chở đá đang đỗ bên đường. T đến trao đổi thì người này hỏi T "mi xem có mối nào lấy thuốc bom không thì tau đem về cho mà bán, có hàng mẫu cho kiểm tra thoải mái rồi lấy". T nói để kiếm mối xem đã. Lái xe bảo với T mình thường chở thuê đá từ Lào về V, Hà Tĩnh, nếu qua bên Lào sẽ không có sóng nên chủ động xin số điện thoại của T. T đồng ý và được người này đưa cho hơn 02 kilôgam thuốc nổ. T đem về nhà cất giấu. Sau đó, người lái xe đã nhiều lần gọi điện thoại cho T hỏi đã tìm được mối mua hàng chưa? thì T trả lời là vẫn đang tìm mối.

Một thời gian sau, T nhận được điện thoại của người tên là P. Phan hỏi T có cung cấp được thuốc nổ không thì T đồng ý. Phan yêu cầu T đem hàng mẫu để kiểm tra trước khi mua. Sau khi trao đổi với P thì T báo với người lái xe gặp trước đó là đã có mối mua hàng và hỏi có cung cấp nhiều thuốc nổ được không? người lái xe trả lời bao nhiêu cũng có, giá bán là 540.000 đồng/ 01 kilôgam.

Khoảng giữa tháng 6 năm 2022, T lấy một ít thuốc nổ từ bao hàng mẫu bỏ vào trong túi ni long rồi cất vào túi quần và thuê Nguyễn Xuân L lái xe ô tô mang biển kiểm soát 38C-01107 chở T vào gặp P tại một quán nhậu sát bờ biển thuộc xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Tại đây T cho Phan xem hàng mẫu và thỏa thuận giá bán là 600.000 đồng/ 01 kilôgam. P đưa ra giá mua là 580.000 đồng/01 kilôgam. Khi cả hai chưa thống nhất được giá mua bán thì L nói xen vào "gớm! buôn bán với nhau 58 hay 60 chi mà phải bàn lắm á". T và Phan thống n giá là 580.000 đồng/ 01 kilôgam. Sau đó, P lái xe máy đi trước dẫn đường, còn L lái xe ô tô chở T đi sau đến khảo sát địa điểm giao hàng cách chỗ quán nhậu khoảng 2-3 km rồi T và L đi về. T trả cho L 500.000 đồng tiền xe và dặn L khi có hàng sẽ thuê L chở giao cho P. L đồng ý.

Khoảng đầu tháng 7 năm 2022, Phan đặt mua từ Tuyên 100 kilôgam thuốc nổ và bảo đang cần gấp. T liên lạc với người lái xe và tối ngày 04/7/2022 người lái xe đã giao cho T 06 bao lác đựng thuốc nổ, T đưa cho người này tổng cộng 53,8 triệu đồng tại khu vực ngã 3 K, thuộc địa phận xã H, M, Quảng Bình rồi bỏ lên xe máy chở về nhà cất giấu.

Sáng ngày 05/7/2022, T sang nhà L để thuê L chở. L bảo "đi đến địa điểm hôm trước vừa xa vừa đắt nên L sẽ lấy 01 triệu đồng". T đồng ý và nói với L "hàng đang bỏ ở nhà em nên anh chạy xe qua em bốc hàng lên rồi đi luôn". Đến khoảng 18 giờ, L lái xe mang biển kiểm soát 38C-01107 đến nhà T và T bốc 06 bao thuốc nổ lên xe, sau đó L lái xe chở T đi. Đến khoảng 23 giờ ngày 05/7/2022 xe đến điểm hẹn, T và L xuống xe để bốc các bao thuốc nổ xuống. Khi L và T đang bốc thuốc nổ xuống thì bị phát hiện bắt quả tang.

Ngoài ra, khoảng cuối tháng 6 năm 2022 Nguyễn Đình T đưa cho Nguyễn Xuân L 2,293 kilôgam thuốc nổ. L chia nhỏ ra và bỏ vào hai túi ni long đem cất trong phòng ngủ của hai vợ chồng thì bị thu giữ lúc khám xét.

** Vật chứng thu giữ:*

06 (sáu) bao lác bên trong chứa thuốc nổ có tổng trọng lượng 118,377 kg và 02 (hai) bọc ni long chứa 2,293 kg thuốc nổ; 01 (một) điện thoại di động IPHONE 6S PLUS màu vàng nhạt, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) điện thoại di động NOKIA 130 màu đen, đã qua sử dụng; 02 (hai) Biển kiểm soát màu trắng có cùng số 73C-00368; 02 (hai) Biển kiểm soát màu trắng có cùng số 37C-103.24; 01 (một) Biển kiểm soát màu trắng số 73A-052.69 và một bộ Biển kiểm soát nền đỏ, chữ trắng số DK 14-36.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội "Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ"; bị cáo Nguyễn Xuân L phạm tội "Vận chuyển trái phép vật liệu nổ" và tội "Tàng trữ trái phép vật liệu nổ".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 13 (mười ba) năm tù về tội "Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2022 đến ngày 26/9/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 09 (chín) năm tù về tội "Vận chuyển trái phép vật liệu nổ".

Áp dụng khoản 1 Điều 305; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 01 (một) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vật liệu nổ".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Xuân L phải chấp hành là 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2022 đến ngày 20/10/2022

Bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/5/2023 bị cáo Nguyễn Xuân L kháng cáo với nội dung đề nghị xét xử bị cáo vô tội. Ngày 22/5/2023 bị cáo Nguyễn Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Đình T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Xuân L trình bày: tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay, tôi xin thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể: Toà án cấp sơ thẩm xét xử tôi là đúng tội. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét bản thân là lao động chính trong gia đình, phải nuôi mẹ già, con nhỏ và hoàn cảnh rất khó khăn. Do vậy xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân L là trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Đình T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo T. Bị cáo L thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Về nội dung: tội danh mà Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân L là có căn cứ, đúng tội. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo T không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên mức hình phạt. Bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội, đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Những người sinh hoạt cùng xác nhận Nguyễn Xuân L là Trưởng ban giáo cụm giáo Họ T, là người có trách nhiệm cao, có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Xuân L, giảm một phần hình phạt cho bị cáo L.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 và 22 tháng 5 năm 2023 các bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Đình T kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Như vậy kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Đình T là trong thời hạn luật định. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Nguyễn Xuân L thay đổi nội dung kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử chấp nhận. Các bị cáo từ chối người bào chữa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Đình T:

[2.1] Về tội danh:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Đình T nhận tội, thể hiện: khoảng 23 giờ 55 phút ngày 05/7/2022, Nguyễn Đình T và Nguyễn Xuân L đang vận chuyển 119,3 kilôgam thuốc nổ (loại thuốc bom) trên xe ô tô biển kiểm soát 38C-01107 do Nguyễn Xuân L điều khiển thì bị phát hiện bắt quả tang. Số thuốc nổ này do Nguyễn Đình T mua của người khác (hiện chưa xác định được) thuê Nguyễn Xuân L chở đi tiêu thụ. Khám nhà Nguyễn Xuân L thu giữ 2,293 kilôgam vật liệu nổ. Như vậy, lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Đình T phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các Bản kết luận giám và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ khẳng định bản án sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Đình T về tội "Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ" và bị cáo Nguyễn Xuân L về các tội "Vận chuyển trái phép vật liệu nổ", "Tàng trữ trái phép vật liệu nổ" là có căn cứ, đúng tội. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Đình T có hành vi tàng trữ, vận chuyển trái phép 119,3 kilôgam thuốc nổ nên bị xét xử tội "Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ" theo điểm a khoản 4 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ. Bị cáo Nguyễn Xuân L có hành vi tàng trữ trái phép 2,293 kilôgam thuốc nổ và vận chuyển trái phép 119,3 kilôgam thuốc nổ nên bị xét xử về các tội "Vận chuyển trái phép vật liệu nổ", tội "Tàng trữ trái phép vật liệu nổ" theo khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Đình T là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý vật liệu nổ của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích nhận định, đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, vai trò thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đã áp dụng cho các bị cáo theo quy định của pháp luật. Từ đó xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 13 năm tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 10 năm tù về hai tội là có căn cứ.

Tuy nhiên, xét thấy: tại phiên toà phúc thẩm bị cáo L thay đổi nội dung kháng cáo và đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận tội. Bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu và nhận vận chuyển trái phép vật liệu nổ với số tiền công 1.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp đơn trình bày thể hiện hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương; những người sinh hoạt cùng xác nhận Nguyễn Xuân L là người có chức sắc trong tôn giáo - Trưởng ban giáo cụm giáo Họ T có nhiều đóng góp giúp đỡ các gia đình bị thiên tai và là người có trách nhiệm cao với giáo hội, có hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo T vắng mặt do đang điều trị bệnh. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Đình T giảm một phần hình phạt cho cả hai bị cáo là có căn cứ.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Xuân L, Nguyễn Đình T không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân L sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội "Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ"; bị cáo Nguyễn Xuân L phạm tội "Vận chuyển trái phép vật liệu nổ" và tội "Tàng trữ trái phép vật liệu nổ".

3**.** Về hình phạt:

3.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 12 (mười hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Tàng trữ, vận chuyển trái phép vật liệu nổ". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2022 đến ngày 26/9/2022.

3.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 305; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 07 (bảy) năm tù về tội "Vận chuyển trái phép vật liệu nổ".

Áp dụng khoản 1 Điều 305; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 01 (một) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vật liệu nổ".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Xuân L phải chấp hành là 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2022 đến ngày 20/10/2022

4. Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân L không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký) (Đã ký)

Đặng Kim Nhân **Nguyễn Tấn Long** **Trần Quốc Cường**